

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 137/2020/QĐST-HNGĐ

Ba Đình, ngày 20 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1977; Đăng ký hộ khẩu: Tổ 9, phường N, quận L, thành phố Hà Nội và nơi cư trú: Số 15B phố H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1964; Đăng ký hộ khẩu: Tổ 9, phường N, quận L, thành phố Hà Nội và nơi cư trú: Số 15B phố H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 3 năm 2020.

[2] Quan hệ hôn nhân của chị Đặng Thị H và anh Trần Văn L là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số: 102-LS 01; Quyền số: I ngày 04 tháng 9 năm 2001 tại Đại sứ quán Nước CHXHCN Việt Nam tại Liên bang Nga.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Đặng Thị H** và anh **Trần Văn L** thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao cháu **Trần Quang M**, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2002 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu **Trần Mai K**, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2006 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 3 năm 2020 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Đặng Thị H và anh Trần Văn L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo về nhà ở;

Về khoản nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị H tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp. Chị H được hoàn trả lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số **24318** ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- Cục Lãnh sự Bộ ngoại giao;
- Lưu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long